

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2375/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 31 tháng 12 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình bảo vệ
và phát triển nguồn lợi thủy sản đến năm 2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 188/QĐ-TTg ngày 13/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản đến năm 2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (tại Tờ trình số 176/TTr-SNN-KTBVN LTS ngày 01/11/2013),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản đến năm 2020.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể của Tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Đình Cự

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản đến năm 2020

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2375/QĐ-UBND, ngày 31/12/2013
của UBND tỉnh Phú Yên)*

Trong những năm gần đây, ngành thủy sản Phú Yên đã có những bước phát triển đáng kể, là một trong những ngành có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế của địa phương. Bên cạnh những kết quả đạt được, vấn đề nguồn lợi thủy sản ven bờ bị suy giảm, môi trường sống của các loài thủy sản ngày càng bị ô nhiễm đã đe dọa đến sự phát triển ổn định bền vững của ngành khai thác và nuôi trồng thủy sản là hai lĩnh vực chính của nền kinh tế thủy sản.

Thực hiện Quyết định số 188/2012/QĐ-TTg ngày 13/2/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản đến năm 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành “Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản đến năm 2020”, bao gồm các nội dung sau:

Phần I

ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG VỀ NGUỒN LỢI THỦY SẢN VÀ MÔI TRƯỜNG SỐNG CỦA CÁC LOÀI THỦY SINH

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ ĐẶC ĐIỂM KHÍ HẬU THỦY VĂN

1. Điều kiện tự nhiên

Phú Yên là tỉnh ven biển Nam Trung Bộ, có diện tích đất tự nhiên 5.060 km², dân số 877.000 người. Vĩ độ điểm cực Bắc đến điểm cực Nam là 13⁰41’28’’B và 12⁰42’36’’B cách nhau 108 km. Kinh độ điểm cực Tây đến cực Đông là 108⁰40’40’’Đ và 109⁰27’47’’Đ cách nhau 85 km. Bắc giáp Bình Định, Nam giáp Khánh Hòa, Tây giáp Đắk Lắk và Gia Lai, Đông giáp biển Đông. Toàn Tỉnh có 03 đầm, vịnh với tổng diện tích gần 17.970 ha (đầm Ô Loan: 1.570 ha, đầm Cù Mông: 2.600 ha và vịnh Xuân Đài: 13.800 ha).

Hệ thống sông ngòi Phú Yên hàng năm đổ ra biển khoảng 12,13 tỷ m³ nước, mang theo lượng phù sa, bùn cát gần 2,3 triệu tấn và các chất hoà tan khoảng 0,55 triệu tấn, tạo nên vùng sinh thái nước lợ giàu dinh dưỡng cho các loài thủy sinh vật

phát triển phong phú ở các vùng nước cửa sông, lạch ven biển,... với nhiều loài thủy sản quý hiếm đến cư trú, sinh sản và phát triển: chình mun, cua huỳnh đế, tôm hùm, vẹm xanh...; cùng với các loại nghề phù hợp từ thủ công đến khai thác hiện đại phục vụ cho đời sống kinh tế cho cộng đồng ngư dân sống quanh các khu vực vùng nước.

Vùng biển và ven biển tỉnh Phú Yên có 4 huyện, thị xã và thành phố ven biển: Tuy An, Đông Hòa, thị xã Sông Cầu và thành phố Tuy Hòa; gồm 54 xã, phường, thị trấn có diện tích tự nhiên 1.268 km² đất liền, dân số khoảng 482.000 người, chiếm 25% về diện tích và 56,4% dân số toàn Tỉnh. Tổng số lao động làm nghề cá (khai thác, nuôi trồng, chế biến thủy sản và dịch vụ cần) chiếm 10% dân số cả Tỉnh; số hộ nghèo là 12.814 hộ.

Lực lượng lao động đánh bắt thủy sản tỉnh Phú Yên có truyền thống, kinh nghiệm trong khai thác, nhất là nghề câu cá ngư đại dương. Trình độ công nghệ, năng suất khai thác, khả năng đi biển luôn đạt hiệu quả và chất lượng khai thác cao so với mặt bằng ngư dân của các tỉnh khác.

Các cơ sở đóng sửa chữa tàu và hậu cần nghề cá đảm bảo cho việc đánh bắt khai thác hải sản được phân bố đều tại các huyện, thị xã và thành phố trong Tỉnh; các cảng cá, chợ cá được tập trung xây dựng, nạo vét phục vụ đầy đủ cho số lượng tàu thuyền neo đậu; vệ sinh an toàn thực phẩm thủy sản cho các tàu khai thác cũng đang dần được hoàn thiện và đảm bảo các yêu cầu cho việc xuất khẩu thủy sản.

2. Đặc điểm khí hậu, thủy văn

Phú Yên thuộc vùng khí hậu nhiệt đới ẩm điển hình, độ ẩm: 70-80%; lượng mưa trung bình 1.300- 1.700mm. Nhiệt độ trung bình hằng năm 26,4°. Xu thế chung, mùa có nhiệt độ cao kéo dài từ tháng 5-9, mùa có nhiệt độ thấp nhất từ tháng 12-2 năm sau. Ở Phú Yên chỉ có 2 mùa là mùa khô kéo dài từ tháng 1-8, còn mùa mưa rất ngắn kéo dài từ tháng 9-2, riêng 4 tháng này lượng mưa đã đạt đến 1.000 mm.

II. ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG NGUỒN LỢI VÀ MÔI TRƯỜNG SỐNG CỦA CÁC LOÀI THỦY SẢN

1. Đặc điểm nguồn lợi tại các thủy vực

a) Đặc điểm chung nguồn lợi tỉnh Phú Yên:

Nguồn lợi hải sản vùng biển Phú Yên bao gồm: Cá, các loài giáp xác, thân mềm, rong biển, trong đó chủ yếu là nguồn lợi cá biển. Cá nổi chiếm 70% bao gồm cá nổi lớn như cá Thu, cá Ngừ, cá Bạc Má, cá Nhám...; cá nổi nhỏ như cá Cơm, cá Trích, cá Nục, cá Chuồn, cá Chỉ Vàng... , cá đáy tuy sản lượng không lớn chỉ chiếm khoảng 30% nhưng có nhiều loài cá có giá trị xuất khẩu như cá Mú, cá Đổng, cá Mòi, cá Hồ...

b) Đặc điểm nguồn lợi một số đối tượng quan trọng:

- Sinh vật nổi:
- + Thực vật nổi.
- + Động vật nổi.
- Sinh vật đáy:
- + Thực vật đáy.
- + Động vật đáy.
- Nguồn lợi cá biển:

Nhóm cá nổi vừa có giá trị vừa chiếm tỉ lệ cao trong tổng số lượng, gồm cá nổi lớn như cá Nhám, cá Thu, cá Ngừ; cá nổi nhỏ như: cá Com, cá Trích, cá Nục, cá Chuồn, cá Chỉ Vàng...

Cá đáy tuy sản lượng không lớn nhưng nhiều loài có giá trị xuất khẩu, như cá Mú và đa số thường xuyên có mặt ở thị trường như cá Đổng (Lượng), cá Mối, cá Đò dạ (cá Đù)...

2. Đánh giá nguồn lợi và môi trường sống của các loài thủy sản

- Vùng biển Phú Yên có nguồn lợi đa dạng, phong phú, mang tính địa phương. Mặc dù khai thác mới đạt khoảng 60-70% khả năng cho phép của nguồn lợi tiềm năng, nhưng do quá trình khai thác chỉ tập trung ở vùng ven bờ, các ngư cụ không thích hợp, lại tập trung vào các loại hải sản có giá trị kinh tế và xuất khẩu cao, Nhà nước lại chưa có phương thức, chính sách quản lý, bảo vệ và phát triển nguồn lợi hải sản có hiệu quả, nên trên thực tế, nguồn lợi hải sản ở vùng ven bờ ngày càng cạn kiệt.

- Một số loài hải sản quý hiếm đang có nguy cơ bị tuyệt chủng như: Rùa biển, bào ngư, điệp,...

- Một số đối tượng đang bị khai thác cạn kiệt như: Tôm biển các loại, tôm hùm, sò huyết, cá ngựa, hải sâm, cầu gai,...

- Một trong những nguyên nhân làm giảm sút nguồn lợi ven bờ là do sự suy thoái về môi trường biển tỉnh Phú Yên. Các hoạt động của con người làm suy thoái môi trường biển là:

+ Sử dụng quá nhiều phân bón, hoá chất, thuốc trong nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản.

+ Việc phát triển nuôi trồng thủy sản tự phát trong nhân dân làm ảnh hưởng xấu đến môi trường biển.

+ Tình trạng tàu thuyền tập trung khai thác quá mức tại ngư trường ven bờ, đặc biệt trong các đầm vịnh bằng các ngư cụ không thích hợp, kể cả bằng biện pháp huỷ diệt như: Xung điện, chất nổ, chất độc,... đã phá hoại môi trường, phá hoại rạn san hô, cỏ biển, rừng ngập mặn là nơi cư trú của các loài thủy sản.

Phần II
NỘI DUNG BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN LỢI THỦY SẢN
TỪ NAY ĐẾN NĂM 2020

1. Điều tra nguồn lợi

a) Mục tiêu:

- Điều tra nguồn lợi thủy sản ven bờ và cơ cấu nghề nghiệp khai thác thủy sản ven bờ tại các địa phương, điều chỉnh cơ cấu khai thác nguồn lợi thủy sản ven bờ một cách hợp lý.

- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về nguồn lợi thủy sản phục vụ công tác quản lý và dự báo.

b) Các dự án, nhiệm vụ ưu tiên triển khai:

Nội dung	Đối tượng và địa điểm triển khai	Thời gian triển khai	Dự kiến kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Đơn vị cơ quan thực hiện
Điều tra nguồn lợi thủy sản ven bờ và cơ cấu nghề nghiệp khai thác thủy sản ven bờ tại các địa phương, điều chỉnh cơ cấu khai thác nguồn lợi thủy sản ven bờ một cách hợp lý	Vịnh Xuân Đài; Đầm Cù Mông; Đầm Ô Loan	2013-2020	10.000	- Bộ NN&PTNT; - Sở N&PTNT Phú Yên, các cơ quan nghiên cứu và các huyện, thị xã, thành phố có biển trong Tỉnh phối hợp thực hiện
Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về nguồn lợi thủy sản	Toàn tỉnh Phú Yên	2013-2020	2.000	Chi cục Khai thác và BVNL thủy sản Phú Yên
Tổng			12.000	

2. Ngăn chặn sự suy giảm nguồn lợi

a) Mục tiêu:

- Xử lý triệt để nhằm chấm dứt các hành vi vi phạm về bảo vệ nguồn lợi thủy sản như:

+ Dùng chất nổ, chất độc, xung điện, các loại ngư cụ có mắt lưới nhỏ hơn quy định hoặc các công cụ khai thác thủy sản bị cấm để đánh bắt thủy sản.

+ Sử dụng các nghề giã cào, nghề lặn có bình hơi khai thác thủy sản tại các vùng cấm của đầm Cù Mông, vịnh Xuân Đài.

+ Khai thác, vận chuyển san hô có nguồn gốc khai thác ở biển.

- Điều chỉnh cơ cấu các nghề khai thác thủy sản tự nhiên phù hợp với khả năng cho phép khai thác nguồn lợi thủy sản ven bờ, trước mắt tập trung chuyển đổi

các nghề khai thác thủy sản ở độ sâu từ 10m nước trở vào bờ như các nghề giã cào và các nghề có mắt lưới nhỏ sang các nghề truyền thống hoặc nuôi trồng thủy sản, giảm dần tàu cá có công suất nhỏ khai thác gần bờ (chuyển đổi tàu đánh bắt công suất nhỏ, không đăng ký mới tàu cá công suất nhỏ,...), hỗ trợ ngư dân chuyển đổi sinh kế (đào tạo nghề, tạo việc làm, làm dịch vụ hậu cần và chế biến hải sản,...).

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phát huy vai trò của cộng đồng ngư dân để tổ chức lại sản xuất theo hướng phát triển các hình thức kinh tế tập thể, đồng thời gắn với trách nhiệm cộng đồng trong công tác quản lý, bảo vệ nguồn lợi, môi trường sống của các loài thủy sản ven bờ và xây dựng nông thôn mới.

b) Các dự án, nhiệm vụ ưu tiên triển khai:

Nội dung	Địa điểm triển khai	Thời gian triển khai	Dự kiến kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Đơn vị cơ quan thực hiện
Triển khai Chỉ thị 01/1998/CT-TTg ngày 02/01/1998 của TTCP	Các huyện, thị xã, thành phố có biển trong tỉnh	2013-2020	Kinh phí hoạt động thường xuyên do ngân sách cấp	Ban Chỉ đạo CTO1 các huyện
Chuyển đổi các nghề khai thác thủy sản mang tính hủy diệt ở ven bờ	Nghề Giã cào: Vịnh Xuân Đài và Đầm Cù Mông	2013-2020	2.500	Thị xã Sông Cầu
Xây dựng các mô hình quản lý nguồn lợi thủy sản và đào tạo nghề mới, hỗ trợ ngư dân chuyển đổi sinh kế với sự tham gia của cộng đồng tại 04 huyện	Các làng cá trọng điểm tại các địa phương trong tỉnh	2013-2015	10.000	Các huyện Đông Hòa; Tuy An; TX Sông Cầu; TP Tuy Hòa
Tổng			12.500	

3. Bảo tồn nguồn lợi thủy sản

a) Mục tiêu:

- Tập trung bảo vệ môi trường và quản lý hệ sinh thái rạn san hô, nguồn lợi tôm Hùm giống tại Khu Hòn Chùa - huyện Tuy An.

- Bảo vệ môi trường và quản lý hệ sinh thái rạn san hô khu vực vịnh Xuân Đài.

- Bảo vệ nguồn lợi thủy sản khu vực Lao Mái Nhà - xã An Hải - huyện Tuy An.

b) Dự án, nhiệm vụ ưu tiên triển khai:

Nội dung	Địa điểm triển khai	Thời gian triển khai	Dự kiến kinh phí thực hiện (Tr. đồng)	Đơn vị cơ quan thực hiện
Quản lý hệ sinh thái rạn san hô - nguồn lợi tôm Hùm giống	Hòn Chùa-Tuy An vịnh Xuân Đài	2013-2020	2.000	UBND huyện Tuy An; UBND TX. Sông Cầu
Bảo vệ nguồn lợi thủy sản khu vực Lao Mái Nhà	Lao Mái Nhà	2013-2020	10.000	UBND huyện Tuy An
Tổng			12.000	

4. Phục hồi và tái tạo nguồn lợi thủy sản và các hệ sinh thái

a) Mục tiêu:

- Thả bổ sung hàng năm vào các đầm, vịnh: Vịnh Xuân Đài, đầm Cù Mông một số loài thủy sản bản địa, quý hiếm, loài có giá trị kinh tế và nghiên cứu khoa học nhằm khôi phục nguồn lợi, tăng mật độ quần thể của các loài thủy sản đã bị khai thác cạn kiệt, lập lại cân bằng sinh thái, ổn định quần xã sinh vật thủy sinh trong các thủy vực.

- Phục hồi nguồn lợi thủy sản ven bờ tại các đầm, vịnh: Vịnh Xuân Đài, đầm Cù Mông nhằm phát triển ngành thủy sản bền vững. Phục hồi nguồn lợi thủy sản cá nước ngọt tại các vùng các sông, hồ chứa nước thủy lợi tại các địa phương trong Tỉnh.

- Phục hồi một số hệ sinh thái điển hình như: Cỏ biển, rạn san hô, rừng ngập mặn tại vịnh Xuân Đài; đầm Cù Mông; đồng thời thả rạn nhân tạo, tạo sinh cảnh, nơi cư trú, sinh sản và sinh trưởng của các loài thủy sản ở một số khu vực có điều kiện thuận lợi.

- Khôi phục và bảo vệ môi trường sống của các loài thủy sản, đặc biệt là các bãi sinh sản, nơi tập trung các loài thủy sản còn non, nơi cư trú của các loài thủy sản.

b) Các dự án, nhiệm vụ ưu tiên triển khai:

Nội dung	Đối tượng phục hồi	Khu vực thực hiện	Thời gian triển khai	Dự kiến kinh phí thực hiện (Tr.đồng)	Đơn vị cơ quan thực hiện
Thả bổ sung giống thủy sản ra biển	Một số loài thủy sản biển, quý hiếm, có giá trị kinh tế	Các đầm, vịnh trong tỉnh Phú Yên	2013-2020	1.500	Sở NN&PTNT, các cơ quan nghiên cứu và các

Phục hồi, tái tạo các đối tượng đang bị khai thác cạn kiệt	Cá ngựa	Đầm Cù Mông	2013-2020	1.000	huyện, thị xã, thành phố tại khu vực thực hiện; Chi cục Khai thác và BVNL thủy sản
	Tôm biển (Sú, Thê, ...)	Vùng biển Phú Yên	2013-2020	1.500	
	Tôm hùm	Hòn Chùa	2013-2020	2.500	
	Sò huyết	Đầm Ô Loan,	2013-2020	1.000	
Phục hồi, quản lý hệ sinh thái cỏ biển	Hệ sinh thái cỏ biển	Đầm cù Mông, Vịnh Xuân Đài	2013-2020	1.200	
Tổng				8.700	

5. Giáo dục nâng cao nhận thức về bảo vệ nguồn lợi thủy sản

a) Mục tiêu:

- Tập huấn nâng cao nhận thức cho cán bộ và nhân dân về pháp luật trong lĩnh vực thủy sản, lợi ích của việc bảo vệ nguồn lợi và môi trường sống của các loài thủy sản đối với chính cộng đồng ngư dân cũng như toàn xã hội.

- Xây dựng các chương trình truyền thông, tuyên truyền về bảo vệ nguồn lợi thủy sản trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- In ấn, phát hành các tranh, ảnh, áp phích, tài liệu để cổ động tuyên truyền về bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

- Đưa công tác bảo vệ nguồn lợi thủy sản và môi trường sống của các loài thủy sản vào chương trình giáo dục phổ thông của các trường.

b) Các dự án, nhiệm vụ ưu tiên triển khai:

Nội dung	Địa phương triển khai	Thời gian triển khai	Dự kiến kinh phí thực hiện (Tr.đồng)	Đơn vị cơ quan thực hiện
Tập huấn kỹ thuật, giáo dục nâng cao nhận thức về bảo vệ nguồn lợi thủy sản	Huyện: Đông Hòa, Tuy An; TX. Sông Cầu; TP. Tuy Hòa	2013-2020	300	Sở NN&PTNT
Xây dựng chương trình truyền thông	Huyện: Đông Hòa, Tuy An; TX. Sông Cầu; TP. Tuy Hòa	2013-2020	300	Sở NN&PTNT, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Phú Yên
In ấn tài liệu, áp phích, tranh ảnh		2013-2020	200	Sở NN&PTNT
Tổng			800	

Phần III

CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN LỢI THỦY SẢN

1. Về cơ chế, chính sách

a) Tổ chức sản xuất cho các tàu tham gia khai thác xa bờ:

- Tiếp tục triển khai, thực hiện tốt Quyết định 48/2010/QĐ-TTg ngày 13/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách khuyến khích hỗ trợ khai thác, nuôi trồng hải sản và dịch vụ khai thác hải sản trên các vùng biển xa, tạo điều kiện thuận lợi cho ngư dân vươn khơi-vuơn xa, vừa khai thác mang lại hiệu quả, vừa góp phần bảo vệ chủ quyền biển đảo của Tổ quốc.

- UBND các huyện, thị xã, thành phố, chỉ đạo UBND xã, phường có biên tổ chức họp dân, vận động thành lập các tổ đội tàu thuyền đánh bắt xa bờ, mỗi đội tàu được biên chế ít nhất là 4 tàu, phân theo loại nghề, ngư trường đánh bắt, được trang bị đầy đủ hệ thống thông tin và các trang bị an toàn theo đúng tiêu chuẩn mà các cơ quan thẩm quyền quy định vừa nâng cao hiệu quả sản xuất vừa giúp nhau khi bị thiên tai, rủi ro trên biển.

- Khuyến khích các đội tàu tổ chức tốt phương thức sản xuất: Kết hợp giữa khai thác, dịch vụ hậu cần, thu mua và vận chuyển tiêu thụ sản phẩm để nâng cao hiệu quả kinh tế cho các tàu khai thác.

b) Quản lý nguồn lợi thủy sản ven bờ dựa vào cộng đồng:

Giao cho chính quyền địa phương cấp xã, phường có trách nhiệm quản lý tốt nguồn lợi thủy sản với sự tham gia của cộng đồng ngư dân tại địa phương. Đây là giải pháp nhằm nâng cao trách nhiệm của cộng đồng ngư dân, gắn liền với quyền lợi mà họ được hưởng trong công tác bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản ven bờ. Để thực hiện giải pháp trên cần triển khai một số nội dung sau:

- Tổ chức cộng đồng khai thác hải sản tại địa phương thành lập các Tổ tự quản bảo vệ nguồn lợi thủy sản với sự giúp đỡ của chính quyền địa phương, Nhà nước sẽ có chế độ chính sách hỗ trợ phù hợp để phát huy vai trò của các Tổ tự quản này.

- Đưa các chủ trương, chính sách của Nhà nước, những quy định nhằm nâng cao vai trò tự quản của ngư dân trong công tác bảo vệ nguồn lợi thủy sản vào các hương ước của làng, xã.

- Các địa phương vận động các tổ chức: Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân, Hội Người cao tuổi tham gia các hoạt động tuyên truyền bảo vệ và phát triển nguồn lợi.

- Khuyến khích các tổ chức, cá nhân sống ở khu vực ven biển xây dựng những bãi cá nhân tạo, trước tiên là những bãi cá bằng chà rạo từng bước hình thành các bãi cá bằng các vật liệu kiên cố khác, Nhà nước có chính sách bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các tổ chức cá nhân trong việc khai thác bảo vệ các bãi cá này.

c) Có chính sách phù hợp hỗ trợ ngư dân nghèo vay vốn chuyển đổi cơ cấu nghề nghiệp từ các nghề cấm khai thác sang các nghề nuôi trồng có hiệu quả và các nghề khai thác được Nhà nước cho phép.

d) Đẩy mạnh việc xã hội hóa trong việc triển khai thực hiện chương trình bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản, nhất là ở cấp cơ sở (cấp xã, phường), nơi gắn liền những hoạt động cụ thể, tác động trực tiếp đến chương trình.

2. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức và đào tạo nguồn nhân lực

a) Phối hợp với các Trường, các Viện và các cơ quan nghiên cứu, đào tạo chuyên ngành thủy sản tổ chức đào tạo nguồn nhân lực cho nghề cá trong Tỉnh từ đội ngũ cán bộ kỹ thuật đến công nhân lao động, ưu tiên phát triển nguồn nhân lực phục vụ cho nghề khai thác thủy sản xa bờ, có chế độ đãi ngộ đối với lực lượng con em ngư dân trực tiếp sản xuất trên biển, với mục tiêu đào tạo được một lực lượng lao động đánh bắt trình độ cao, tiếp thu được những công nghệ mới trong đánh bắt.

b) Trung tâm Khuyến nông Khuyến ngư, Chi cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi Thủy sản tổ chức các lớp tập huấn nâng cao nhận thức cho cán bộ và ngư dân về pháp luật trong lĩnh vực thủy sản, lợi ích của việc bảo vệ nguồn lợi thủy sản trong cộng đồng ngư dân cũng như toàn xã hội.

c) Xây dựng và triển khai hiệu quả mạng lưới cộng tác viên bảo vệ nguồn lợi, tuyên truyền viên về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản ở tất cả các xã phường biển trong Tỉnh.

d) Xây dựng các chương trình truyền thông về công tác bảo vệ nguồn lợi thủy sản trên các phương tiện thông tin đại chúng như: Báo, Đài Phát thanh, Truyền hình và các Đài Truyền thanh, tiếp hình ở địa phương trong đó cần đưa nội dung giáo dục về công tác bảo vệ nguồn lợi thủy sản và môi trường sống vào các chương trình giáo dục của các trường học.

e) Xây dựng, in ấn phát hành pano, áp phích, tờ rơi tuyên truyền cổ động về công tác bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.

3. Về khoa học, công nghệ và khuyến ngư

a) Phối hợp với các Trường, các Viện và các cơ quan nghiên cứu, đào tạo chuyên ngành thủy sản thực hiện các đề tài nghiên cứu liên quan đến điều tra nguồn lợi, dự báo ngư trường và chuyển giao các kết quả nghiên cứu áp dụng vào thực tiễn; nhân rộng các kết quả nghiên cứu về sản xuất giống, các loại nghề khai thác có chọn lọc, nâng cao hiệu quả nghề khai thác; các mô hình tổ chức sản xuất gắn

với quản lý của cộng đồng để bảo vệ nguồn lợi và tạo sinh kế bền vững cho cộng đồng dân cư thông qua các hình thức khuyến ngư.

Sở Khoa học và Công nghệ và chủ nhiệm các đề tài nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực thủy sản (đã được thực hiện trong những năm gần đây) tổ chức triển khai các nội dung đề tài trong thực tế.

b) Tăng cường du nhập những nghề khai thác thủy sản tiên bộ, khai thác thủy sản có chọn lọc, ứng dụng công nghệ và trang thiết bị ngư cụ tiên tiến của các nước phù hợp với nghề cá địa phương nhằm tăng hiệu quả khai thác, giảm bớt cường độ lao động và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

c) Ứng dụng công nghệ vật liệu mới trong việc xây dựng các khu rạn nhân tạo để tập trung các loài thủy sản, chủ động trong việc khai thác, giảm thiểu chi phí nâng cao hiệu quả, chất lượng sản phẩm phục vụ du lịch tạo nên các nguồn thu nhập thay thế khác.

d) Tăng cường công tác khuyến ngư với các hình thức như tập huấn, hội thảo, triển khai các mô hình trình diễn, tham quan học tập... nhằm trang bị cho ngư dân những tiến bộ khoa học kỹ thuật trong các lĩnh vực khai thác, nuôi trồng và chế biến thủy sản.

e) Ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ về con giống và công nghệ nuôi tiên tiến vào thực tiễn của Tỉnh.

g) Nghiên cứu, áp dụng và hoàn thiện các công nghệ mới về xử lý môi trường, chuẩn đoán, phòng trừ dịch bệnh, công nghệ sản xuất thức ăn cho các đối tượng thủy sản nuôi, công nghệ lưu giữ bảo quản sống, vận chuyển sống, công nghệ bảo quản sản phẩm nuôi trồng sau thu hoạch.

4. Tăng cường công tác quản lý Nhà nước về hoạt động khai thác hải sản

a) Phân cấp quản lý theo tuyến:

- Tuyến bờ (Phạm vi vùng biển theo quy định của Chính phủ): UBND Tỉnh chỉ đạo UBND huyện, thị xã, thành phố ven biển giao trách nhiệm cho chính quyền xã, phường thông qua cộng đồng ngư dân tổ chức quản lý tốt nguồn lợi và môi trường sống của các loài thủy sinh vật, trong đó gắn với phát triển nuôi trồng thủy sản và các nghề khai thác phù hợp theo quy định, cụ thể: Giao mặt đất, mặt nước để phát triển nuôi trồng thủy sản theo đúng quy hoạch nuôi trồng thủy sản của Tỉnh.

- Tuyến lộng (Phạm vi vùng biển theo quy định chung của Chính phủ): Chỉ cho phép các các tàu có công suất từ 30CV đến dưới 90CV hoạt động.

- Tuyến khơi (Phạm vi vùng biển theo quy định chung của Chính phủ): các tàu có công suất > 90CV chỉ được phép hoạt động tại khu vực này và phải chấp hành đúng mọi quy định về công tác bảo vệ nguồn lợi và các quy định khác của pháp luật.

b) Tăng cường công tác tuần tra, kiểm soát trên biển:

- Chuẩn hóa lực lượng thanh tra viên, kiểm soát viên bảo vệ nguồn lợi thủy sản. Thường xuyên được bồi dưỡng kiến thức chuyên môn nghiệp vụ để đáp ứng được tình hình mới. Triển khai có hiệu quả công tác phối hợp giữa lực lượng thanh tra bảo vệ nguồn lợi thủy sản và Bộ đội Biên phòng, lực lượng Công an và chính quyền địa phương các cấp.

- Chi cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản thực hiện tốt việc cấp, thu hồi giấy phép khai thác thủy sản cho tàu thuyền đánh cá nhằm điều tiết cường lực khai thác hợp lý, quản lý được mật độ khai thác tàu thuyền tại ngư trường trong Tỉnh.

- Trên cơ sở quy hoạch tổng thể ngành thủy sản, triển khai các quy hoạch chi tiết để quản lý luồng lạch, quản lý nuôi trồng thủy sản, khai thác thủy sản ở những khu vực cụ thể.

- Thực hiện và tăng cường hiệu lực của các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước trong việc quản lý nghề cá có trách nhiệm và bền vững.

- Tổ chức tuyên truyền và vận động nhân dân các xã, phường ven biển và ngư dân không vi phạm Nghị định 31/2010/NĐ-CP ngày 29/3/2010 của Chính Phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật.

5. Về cơ chế tài chính

Nhu cầu nguồn vốn:

a) Vốn từ ngân sách Trung ương thực hiện các công việc: Đảm bảo kinh phí cho công tác điều tra, nghiên cứu nguồn lợi thủy sản; xây dựng hệ thống quan trắc, giám sát biến động nguồn lợi thủy sản; xây dựng hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu nguồn lợi thủy sản; kinh phí hoạt động của các dự án, nhiệm vụ thuộc chương trình do các cơ quan ở Trung ương thực hiện.

b) Vốn ngân sách của Tỉnh (hoặc cùng với hỗ trợ từ ngân sách Trung ương):

- Triển khai Chỉ thị 01/1998/CT-TTg ngày 02/01/1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc nghiêm cấm sử dụng chất nổ, xung điện, chất độc để khai thác thủy sản.

- Phục hồi và quản lý các hệ sinh thái san hô, cỏ biển.

- Phục hồi, tái tạo các đối tượng có nguy cơ bị tuyệt chủng.

- Các hoạt động kiểm tra, kiểm soát, giám sát việc thực hiện chương trình.

- Đầu tư cho nghiên cứu khoa học, thực hiện các đề tài liên quan đến bảo vệ nguồn lợi thủy sản và môi trường biển.

- Đầu tư cho đào tạo nguồn nhân lực.

- Đầu tư cho hoạt động khuyến ngư; hoạt động thông tin, tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

- Xây dựng các mô hình quản lý nguồn lợi thủy sản với sự tham gia của cộng đồng và triển khai đồng bộ tại xã phường có biển trong Tỉnh.

c) Vốn vay các ngân hàng tín dụng:

Căn cứ vào điều kiện thực tế của từng địa phương, UBND huyện, thị xã, thành phố lập đề án chuyển đổi cơ cấu nghề nghiệp, tạo điều kiện cho ngư dân vay vốn trung và dài hạn với lãi suất ưu đãi tại các ngân hàng tín dụng trong Tỉnh, nhằm chuyển đổi các nghề khai thác thủy sản bị cấm sang các nghề nuôi có hiệu quả hoặc các nghề khai thác được Nhà nước cho phép.

Phần IV **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

Tham mưu giúp UBND Tỉnh chỉ đạo và tổ chức thực hiện chương trình bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản trong phạm vi cả Tỉnh, cụ thể:

- Phối hợp với các ngành liên quan: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh Phú Yên xác định nhiệm vụ đầu tư ngân sách của Tỉnh và đầu tư tín dụng hàng năm để thực hiện chương trình.

- Xây dựng triển khai chương trình bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản của Chính phủ vào điều kiện cụ thể của Tỉnh.

- Tiến hành sơ kết, tổng kết.

2. Các ngành liên quan: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước Tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng Tỉnh, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nội vụ có nhiệm vụ phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và các địa phương thực hiện:

- Xác định nhiệm vụ đầu tư Nhà nước, tín dụng, tạo cân đối về vốn và nguồn lực khác để thực hiện chương trình.

- Xác định tổ chức quản lý Nhà nước về công tác bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản ở các địa phương.

- Tham gia thẩm định và điều hành các dự án của chương trình.

3. Các địa phương:

- Cụ thể hóa chương trình của Tỉnh thành các dự án cụ thể ở địa phương.

- Thành lập ban điều hành dự án của địa phương khi được duyệt.

- Tổ chức thực hiện tốt quy hoạch nuôi trồng thủy sản được UBND Tỉnh duyệt.

Tổ chức tốt việc giao quyền sử dụng đất và mặt nước theo quy hoạch được duyệt.

4. Các Hội nghề nghiệp và các Đoàn thể quần chúng:

Hội Nông dân Tỉnh và các Hội nghề nghiệp khác, các đoàn thể quần chúng phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tuyên truyền phổ biến các kiến thức nhằm nâng cao nhận thức, tầm quan trọng giá trị các nguồn tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học, đồng thời xác định rõ vai trò, trách nhiệm của cộng đồng người dân trong việc tham gia bảo vệ nguồn lợi thủy sản./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Đình Cự